

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau thẩm tra)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Quy hoạch ngày 21 tháng 11 năm 2017; Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành; căn cứ điểm e khoản 4 Điều 56 Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cà Mau năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 01580/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 42/BC-HĐTĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội; trong đó, tỉnh Cà Mau được hình thành trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu. Việc hợp nhất hai tỉnh là bước quan trọng trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, kéo theo yêu cầu điều chỉnh toàn diện về địa giới, dân số, tổ chức không gian phát triển và các quy hoạch liên quan. Đồng thời, mở ra các tiềm năng, lợi thế mới từ việc kết nối hạ tầng, tài nguyên biển và các hành lang kinh tế của vùng và quốc gia, tạo động lực để thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao hơn trong giai đoạn 2026 - 2030. Do đó, cần thiết phải lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau nhằm: (i) Đảm bảo sự tuân thủ, thống nhất và đồng bộ với hệ thống quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng đã được điều chỉnh; (ii) Tái cấu trúc không gian phát triển phù hợp với vị thế và quy mô của tỉnh Cà Mau sau hợp nhất và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; (iii) Cập nhật, bổ sung các định hướng đột phá để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 con số trong giai đoạn mới.

Dự thảo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được lập theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56, Luật Quy hoạch năm 2025; trong đó, đã thực hiện các bước quan trọng như tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 56 Luật Quy hoạch và được chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định tại Báo cáo số 42/BC-HĐTĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026.

Theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 56 Luật Quy hoạch năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt theo thẩm quyền. Do đó,

việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết và đúng theo quy định của pháp luật.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Quan điểm

- Đảm bảo phù hợp với các nội dung định hướng trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các Chiến lược quốc gia, các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch Vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch cũng bảo đảm thống nhất với Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thông báo số 427-TB/VPTW ngày 24/11/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến thăm, kiểm tra công tác tại đảo Hòn Khoai, xã Đất Mũi, tỉnh Cà Mau; Thông báo số 8/TB-VPCP ngày 06/01/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại buổi họp về tình hình triển khai một số dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, các tỉnh An Giang và Cà Mau; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy Cà Mau.

- Phát huy tối đa tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh làm điều kiện và nền tảng để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và toàn diện; khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; lấy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm nền tảng thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và các ngành kinh tế khác. Tỉnh tổ chức không gian phát triển hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa phát triển kinh tế với bảo vệ, bảo tồn môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, gắn với tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên kết vùng và đa mục tiêu.

- Bảo đảm kế thừa các định hướng đã được phê duyệt trong quy hoạch của hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu trước đây; đồng thời rà soát, cập nhật các nhân tố mới và động lực tăng trưởng nổi trội nhằm khai thác tối đa lợi thế ba mặt giáp biển, các không gian mới, phát triển đa cực, đa trung tâm; tăng cường liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long (*đặc biệt với thành phố Cần Thơ*) và liên kết nội tỉnh theo hướng cân bằng (*Đông - Tây*), lan tỏa từ các trung tâm, các cực động lực.

2. Mục tiêu

- Tạo hành lang pháp lý quan trọng trong định hướng, quản lý toàn diện các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, phát triển không gian lãnh thổ trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Là cơ sở để tỉnh hiện thực hóa các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đề ra. Phần đầu đến năm 2030, Cà Mau - tỉnh địa đầu cực Nam của Tổ quốc, trở thành tỉnh phát triển toàn diện, vững tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Quy hoạch năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính làm chủ đầu tư, thực hiện công tác lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Công văn số 06224/UBND-KTTH ngày 21/10/2025; phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 01580/QĐ-UBND ngày 31/10/2025; ban hành Kế hoạch số 0205/KH-UBND ngày 25/11/2025 triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong quá trình tổ chức lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trực tiếp tổ chức nhiều cuộc họp, hội nghị, hội thảo lấy ý kiến góp ý từ các cơ quan, tổ chức, các chuyên gia, các nhà khoa học, tham vấn ý kiến của các nhà đầu tư, doanh nghiệp, Nhân dân; lấy ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên kề, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường; đăng tải hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh lên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính để lấy ý kiến.

Đồng thời, hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã thông qua Thường trực Tỉnh ủy ngày 31/12/2025 và ngày 26/01/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 28/01/2026, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 23/02/2026.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 298-TB/TU ngày 31/12/2025 và Thông báo số 350-TB/TU ngày 28/01/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 360-TB/TU ngày 30/01/2026, ý kiến thống nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 23/02/2026 và ý kiến góp ý của các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên kề, các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo theo quy định và trình Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngày 10/02/2026, Hội đồng thẩm định đã tổ chức phiên họp thẩm định hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với sự tham dự của 43/46 Thành viên Hội đồng thẩm định; kết quả có 100% thành viên nhất trí thông qua đối với hồ sơ trình thẩm định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm có 02 điều.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi, ranh giới Quy hoạch:

- Gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Cà Mau và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (*được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ*).

- Tỉnh Cà Mau có tọa độ địa lý từ 8⁰30' - 9⁰38' vĩ độ Bắc và 104⁰32' - 105⁰52' kinh độ Đông. Ranh giới: Phía Bắc giáp tỉnh An Giang; phía Đông Bắc giáp thành phố Cần Thơ; phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông; phía Tây giáp biển Tây.

2.2. Đẩy mạnh thực hiện 03 khâu đột phá để phát triển:

(1) Đột phá trong xây dựng các chính sách tạo thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số toàn diện, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn và phát triển kinh tế tư nhân; phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, gắn với phát triển mạnh mẽ kinh tế biển, kinh tế số, kinh tế xanh, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, thương mại - dịch vụ, logistics, du lịch sinh thái; đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn tối đa các thủ tục đầu tư, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

(2) Đột phá trong phát triển nguồn nhân lực: Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng, thế mạnh; thu hút được người có năng lực, trình độ cao, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng. Có chính sách đột phá về nhân tài, đủ sức cạnh tranh với các địa phương đang phát triển mạnh, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng, công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển. Cơ chế đãi ngộ phải gắn với hiệu quả công việc, môi trường sáng tạo và cơ hội phát triển nghề nghiệp lâu dài.

(3) Đột phá trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, ưu tiên: Hạ tầng giao thông, sân bay, cảng biển, thủy lợi, hạ tầng năng lượng, hạ tầng du lịch; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, chuyển đổi số, phát triển các trung tâm khởi nghiệp; hạ tầng các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp; các dự án về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông sản và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển bền vững kinh tế biển gắn với khai thác hiệu quả Cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn, trở thành cửa ngõ trung chuyển của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

2.3. Ưu tiên phát triển các ngành chủ lực có vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh, gồm: (1) Công nghiệp chế biến nông thủy sản, (2) Công nghiệp năng lượng (*điện gió, LNG, hydrogen/amoniac xanh*) và dịch vụ công nghiệp biển, (3) Dịch vụ cảng biển nước sâu - trung chuyển - dịch vụ hàng hải và logistics, (4) Du lịch biển - đảo - rừng ngập mặn (*mô hình trải nghiệm, lưu trú dài ngày*).

2.4. Quan tâm phát triển các nhóm ngành dịch vụ hỗ trợ và liên kết chuỗi giá trị như: Logistics và dịch vụ hậu cần chuỗi cung ứng; tài chính - ngân hàng - bảo hiểm; đào tạo nhân lực, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; thương mại hỗ trợ và xúc tiến xuất khẩu là nền tảng, tạo kết nối thông suốt giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, cùng với các nhóm ngành chủ lực, đặc trưng, hình thành cấu trúc kinh tế đa tầng, linh hoạt và bền vững.

2.5. Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội tỉnh theo mô hình 1-2-3-4-5: “1 trục động lực - 2 trung tâm - 3 cực tăng trưởng - 4 vùng - 5 hành lang”.

(1) 01 Trục động lực phát triển:

Trục động lực chạy dọc theo tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau - Năm Căn - Đất Mũi, kết nối trực tiếp với cụm cảng Hòn Khoai; hướng đến hình thành một dải phát triển tích hợp, có chiều rộng hai bên, bố trí quỹ đất cho logistics, cảng cạn (ICD), kho lạnh, khu công nghiệp chế biến - năng lượng, cùng các khu đô thị dịch vụ. Nhờ đó, trục động lực trở thành một hệ sinh thái phát triển đa chức năng, giữ vai trò xương sống dẫn dắt tăng trưởng toàn tỉnh.

(2) 02 Trung tâm:

- Đô thị Cà Mau là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh; là hạt nhân, động lực tăng trưởng của tiểu vùng trung tâm.

- Đô thị Bạc Liêu là trung tâm văn hóa - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, thương mại, du lịch, nghỉ dưỡng; là hạt nhân, động lực tăng trưởng của tiểu vùng Đông Bắc.

(3) 03 cực tăng trưởng:

- 03 cực tăng trưởng mới của tỉnh gồm: Năm Căn (*khu kinh tế Năm Căn, đô thị Năm Căn*), cụm đảo Hòn Khoai (*Cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai, đô thị Đất Mũi*), đô thị Phước Long.

- Cực Năm Căn được xác định là cụm cảng - công nghiệp - logistics biển. Cực Hòn Khoai - Đất Mũi định vị là cửa ngõ biển sâu và trung tâm du lịch biểu tượng, gắn với năng lực khai thác cảng nước sâu, logistics biển, du lịch biển đảo và dịch vụ năng lượng. Cực Phước Long tập trung vào công nghiệp - đô thị nội địa và chế biến nông thủy sản, gắn với công suất chế biến và liên kết vùng nguyên liệu. Các cực này là điểm phát lực chuyên biệt, tạo cấu trúc đa cực và lan tỏa theo mạng lưới hành lang.

(4) 04 tiểu vùng kinh tế - xã hội:

- *Tiểu vùng 1 - Tiểu vùng trung tâm*: Đây là tiểu vùng phát triển mạnh về đô thị - công nghiệp - thương mại, dịch vụ, với hạt nhân là đô thị Cà Mau; ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, các dịch vụ chất lượng cao, du lịch, dịch vụ du lịch, kinh tế số và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- *Tiểu vùng 2 - Tiểu vùng Đông Bắc*: Đây là tiểu vùng phát triển kinh tế đa dạng về dịch vụ đô thị, thương mại, dịch vụ du lịch, du lịch - nghỉ dưỡng, công nghiệp xây dựng, công nghiệp chế biến nông thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, thủy hải sản, nghề muối, năng lượng tái tạo, với hạt nhân là đô thị Bạc Liêu; tiểu

vùng còn có cực tăng trưởng đô thị Phước Long và các đô thị Giá Rai, Phong Thạnh, Láng Tròn, Gành Hào; có ưu thế, tiềm năng kết nối thuận lợi với tuyến đường bộ ven biển phía Đông của Đồng bằng sông Cửu Long, để thu hút đầu tư các khu, cụm công nghiệp tổng hợp, chuyên đề phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tiểu vùng. Phát triển chuỗi nông sản, thủy hải sản công nghệ cao gắn chế biến - logistics lạnh - xuất khẩu.

- *Tiểu vùng 3 - Tiểu vùng phía Nam*: Đây là tiểu vùng phát triển mạnh về kinh tế biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, năng lượng mới, logistics quốc tế, dịch vụ cảng biển, kinh tế hàng hải, dịch vụ đô thị, du lịch,... với các cực tăng trưởng quan trọng như: Hòn Khoai (*cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai, đô thị Đất Mũi*); khu kinh tế Năm Căn, đô thị Năm Căn.

- *Tiểu Vùng 4 - Tiểu vùng phía Tây*: Đây là tiểu vùng phát triển kinh tế biển, phát triển đa dạng các ngành nông nghiệp, thủy hải sản, với hạt nhân là đô thị Sông Đốc; là vùng nông nghiệp ngọt lơ luân phiên, nuôi biển, thủy hải sản, cảng cá - hậu cần nghề cá, du lịch sinh thái - trải nghiệm rừng/biển/văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, lâm nghiệp phát triển theo mô hình bền vững gắn với bảo tồn Vườn quốc gia U Minh Hạ, phát triển năng lượng tái tạo.

(5) 05 Hành lang kinh tế:

- Hành lang kinh tế ven biển Tây: Ưu tiên kinh tế biển gắn khai thác - hậu cần nghề cá, dịch vụ cảng cá; nông nghiệp ngọt - lơ, lâm nghiệp bền vững và du lịch sinh thái trên nền tảng bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn.

- Hành lang kinh tế ven biển Đông: Tập trung du lịch biển, đảo, kinh tế thủy hải sản (*nuôi trồng công nghệ cao, chế biến sâu*), logistics lạnh và năng lượng tái tạo.

- Hành lang kinh tế kết nối 2 đô thị Cà Mau và Bạc Liêu, được mở rộng ra 2 phía của trục Quốc lộ 1 (*phía Bắc đến đường cao tốc mới, phía Nam đến đường tỉnh mới*), dựa trên 3 tuyến kết nối đường bộ và 1 tuyến vận tải thủy quốc gia Bạc Liêu - Cà Mau; hình thành không gian kinh tế sôi động, phát triển mạnh về đô thị, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đô thị hóa, thương mại dịch vụ và đổi mới sáng tạo.

- Hành lang kinh tế chạy dọc theo trục Quản lý Phụng Hiệp, tuyến vận tải thủy quốc gia Quản Lộ - Phụng Hiệp - Quốc lộ 1 (*đoạn Cà Mau - Đất Mũi*), kết nối các đô thị Phước Long, Giá Rai, Cà Mau, Năm Căn, điểm cuối là đảo Hòn Khoai hình thành và phát triển công nghiệp và logistics.

- Hành lang kinh tế Đông - Tây, kết nối đô thị Sông Đốc ở phía Tây và đô thị Tân Thuận, Gành Hào ở phía Đông. Đây là hành lang kết nối nội tỉnh, giữa các tiểu vùng kinh tế - xã hội của tỉnh, hành lang giao thương kinh tế rất quan trọng, thúc đẩy, lan toả các hoạt động giao lưu, giao thương, sản xuất, kinh doanh; bảo đảm cân bằng tiếp cận dịch vụ công và thị trường.

2.6. Phân đầu đến năm 2030 đạt các mục tiêu cụ thể sau:

* *Về kinh tế:*

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân 5 năm từ 10% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 trên 6.000 USD.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đến năm 2030 khoảng 8,0 - 8,5%/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm từ 40% GRDP trở lên.
- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 từ 20% trở lên.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm khoảng 17 tỷ USD.
- Tổng thu ngân sách 5 năm ít nhất 75.000 tỷ đồng.
- Tổng số doanh nghiệp đến năm 2030 khoảng 20.000 doanh nghiệp.
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 40%.

*** Về xã hội:**

- Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 đạt trên 0,7.
- Phát triển nhà ở xã hội 5 năm trên 4.200 căn.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 80% (*trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ >35%*).
- Tỷ lệ hộ nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều mới*) giảm khoảng 1,0 - 1,5%/năm.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đến năm 2030 dưới 30%.
- Số giường bệnh/vận dân đạt khoảng 34,5 giường; số bác sĩ/vận dân đạt khoảng 14 bác sĩ.
- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia khoảng 90%; 100% trường học có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh tiêu chuẩn.

*** Về môi trường:**

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 12,4% (*không tính diện tích cây phân tán*).
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt khoảng 65%.
- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu kinh tế đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt đạt 95% trở lên.

*** Về quốc phòng, an ninh:**

Thực hiện công tác tuyên quân, diễn tập hằng năm đạt 100%. Đến năm 2030, có ít nhất 50% địa bàn cấp xã “không ma túy”; phần đầu có 90% xã, phường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

2.7. Tầm nhìn đến năm 2050: Cà Mau là tỉnh phát triển, xã hội văn minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kinh tế Cà Mau phát triển theo mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số có năng suất lao động cao gắn với phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Giữ gìn và phát huy các giá

trị văn hóa tốt đẹp mang bản sắc của con người Cà Mau nghĩa tình, mến khách. Môi trường sinh thái, đa dạng sinh học được bảo vệ, bảo tồn. Hệ thống đô thị phát triển theo hướng thông minh, sinh thái; không gian nông thôn hiện đại, văn minh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng số phát triển đồng bộ, hiện đại, tiệm cận với các nước phát triển về nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo. Quốc phòng, an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

* Tài liệu đính kèm theo Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức; bản sao ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức liên quan; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; (4) Báo cáo thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (6) Sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (*tài liệu được tải từ mã QR bên dưới văn bản hoặc qua iOffice*).

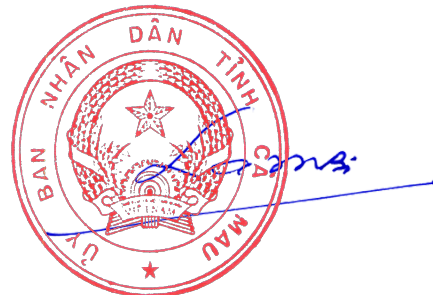
Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Tờ trình này thay thế Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 13/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CH (TTr 05), M.A73/02.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi